

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hòn Ngang, thuộc xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa của Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Danh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Doanh nghiệp tư nhân Thanh Danh tại văn bản số 06/CV26 ngày 04 tháng 02 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 169/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 12 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hòn Ngang (sau đây gọi là Dự án) của Doanh nghiệp tư nhân Thanh Danh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa với các

nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án tại Điều 1 của Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã được phê duyệt. Nếu phát hiện vi phạm, cần xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Diên Điện; Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thanh Danh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND xã Diên Điện;
- DNTN Thanh Danh;
- VPUB: LDVP, KTTH;
- Lưu: VP.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/09/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐẤT, ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ HÒN NGANG, XÃ DIÊN ĐIỀN, TỈNH KHÁNH HÒA CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THANH DANH
(Kèm theo Quyết định số..... /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hòn Ngang.

- Địa điểm thực hiện: Núi Hòn Ngang, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa.

- Chủ dự án đầu tư: Doanh nghiệp tư nhân Thanh Danh.

- Địa chỉ liên hệ: thôn Tây 3, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa.

- Dự án Khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Hòn Ngang (trước đây) đã được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 3712100597 ngày 22/5/2015 và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 27/02/2015; phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 18/3/2015 với công suất khai thác 120.000 m³/năm đá nguyên khối và 30.000 m³/năm đất san lấp.

- Ngày 29/8/2025, Dự án được Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp đổi và điều chỉnh lần đầu giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2573283868 để nâng công suất khai thác mỏ lên 200.000 m³/năm đá nguyên khối và 45.000 m³/năm đất san lấp. Chủ dự án lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án trình phê duyệt kết quả thẩm định tại Quyết định này để làm cơ sở thực hiện các thủ tục nâng công suất khai thác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.2. Quy mô, công suất:

a) Quy mô Dự án:

- Tổng diện tích thực hiện dự án khoảng 14,8 ha:

+ Khu vực khai trường có diện tích khoảng 11,7 ha, các điểm khép góc có tọa độ như sau:

Bảng 1. Khu vực khai thác

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ 15' múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
M1	1357395	589213
M2	1357390	589518
M3	1357683	589654
M4	1357859	589427

+ Khu vực Sân công nghiệp (*văn phòng làm việc, mặt bằng chế biến, hồ lắng, sân bãi và các công trình phụ khác*): có diện tích 3,1 ha, các điểm khép góc có tọa độ như sau:

Bảng 2. Khu vực sân công nghiệp

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 108°15' múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
M5	1357438	589602
M6	1357402	589706
M7	1357151	589597
M8	1357179	589493
M9	1357276	589524

b) Công suất của Dự án:

- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường: 200.000 m³ nguyên khối/năm.
- Đất làm vật liệu san lấp: 45.000 m³ nguyên khối/năm.

c) Thời gian hoạt động của dự án: 16 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh.

1.3. Công nghệ khai thác, chế biến:

- Công nghệ khai thác:

+ Khai thác đá xây dựng: sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện; khai thác theo lớp bằng, những vị trí không áp dụng được hệ thống khai thác lớp bằng thì khai thác theo lớp xiên; sử dụng máy xúc thủy lực gàu ngược xúc trực tiếp lên ô tô vận chuyển về khu chế biến tại mặt bằng sân công nghiệp.

+ Khai thác đất tầng phủ: đào xúc đất bằng máy xúc thủy lực gàu ngược lên ô tô vận chuyển và vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

- Công nghệ chế biến: sử dụng 02 trạm nghiền sàng để nghiền sàng đá có công suất 250 tấn/giờ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

a) Các hạng mục công trình của Dự án:

- Khai trường khai thác: Diện tích khoảng 11,7 ha, bố trí bãi thải tạm 6.300 m² trong ranh giới phía Bắc của khai trường.

- Sân công nghiệp: Diện tích 3,1 ha, bố trí các hạng mục công trình: 02 tổ hợp nghiền sàng đá xây dựng có công suất 250 tấn/giờ/tổ hợp; Hồ lắng 1.000 m²; Bãi chứa đá thành phẩm; Khu vực trạm biến áp; Trạm cân; Công trình phụ trợ (Văn phòng; Nhà tắm, nhà vệ sinh; Gara, Nhà bảo vệ; Kho chất thải nguy hại; Khu xử lý nước thải).

b) Các hoạt động của Dự án:

- Hoạt động mở vỉa và xây dựng cơ bản: đã hoàn thành.

- Hoạt động khai thác đất, đá; chế biến đá: đào xúc khai thác đất san lấp vận chuyển đến nơi tiêu thụ hoặc vận chuyển về bãi chứa chờ tiêu thụ; khai thác đá tại khai trường bằng phương pháp khoan nổ mìn; chế biến đá tại 02 trạm nghiền sàng; vận chuyển khoáng sản đến bãi chứa, tiêu thụ sản phẩm.

- Hoạt động cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Hoạt động khai thác đất, đá (Bóc đất phủ, khoan nổ mìn, xúc bốc, chế biến). Hoạt động vận chuyển đất, đá thành phẩm đến nơi tiêu thụ. Hoạt động sinh hoạt của công nhân, hoạt động sửa chữa máy móc thiết bị.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (đã hoàn thành giai đoạn xây dựng cơ bản mở nên chỉ đánh giá trong giai đoạn vận hành, khai thác):

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân làm việc tại Dự án với lưu lượng thải khoảng 3,04 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, amoni (tính theo N), Tổng N, Tổng P, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bóc tầng phủ, khoan nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển, chế biến khoáng sản,... thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng bụi lơ lửng (TSP).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân làm việc tại Dự án, khoảng 19 kg/ngày (khoảng 6 tấn/năm). Thành phần chủ yếu: chai nhựa, lọ thủy tinh, giấy từ khu văn phòng, vỏ hộp, bao bì và thức ăn thừa.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường: Phát sinh từ quá trình bóc đất phủ (lượng sinh khối thực vật trên diện tích chưa phát quang của Dự án) khoảng 150 m³; Thành phần chủ yếu: thực vật thải.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Phát sinh từ quá trình vận hành Dự án; từ hoạt động bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc phục vụ khai thác... khối lượng khoảng 665 kg/năm. Thành phần chủ yếu: các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác; giẻ lau dính dầu nhớt; Bóng đèn huỳnh quang thải; Pin ắc quy thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ hoạt động khoan nổ mìn, phá đá quá cỡ và từ hoạt động của các phương tiện khai thác, chế biến.

3.4. Các tác động khác:

- Gia tăng mật độ giao thông tại khu vực làm tăng nguy cơ mất an toàn giao thông, giảm chất lượng đường giao thông.

- Rủi ro sự cố cháy nổ, sạt lở bờ moong, bờ tầng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn sau đó tiếp tục xử lý bằng module hợp khối vật liệu composite công suất 5m³/ngày đêm và dẫn về Hồ lắng (tại sân công nghiệp).

- Nước mưa chảy tràn:

+ *Khu vực khai trường (phía Đông Bắc)*: nước mưa được thu gom về hồ lắng có diện tích khoảng 1000 m², sâu 3m, hồ lắng có kết cấu bờ đất, nền đất tự nhiên được lấp đặt biển báo nguy hiểm.

+ *Khu vực sân công nghiệp (phía Đông Nam)*: Nước mưa theo độ dốc địa hình tự chảy qua rãnh thoát nước về hồ lắng có diện tích khoảng 1.000 m², sâu 3m, hồ lắng có kết cấu bờ đất, nền đất tự nhiên được lấp đặt biển báo nguy hiểm.

Nguồn nước mưa tại các hồ lắng được dự trữ phục vụ hệ thống giảm thiểu bụi trong hoạt động khai thác, chế biến đá của Dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm đạt QCVN 14:2025/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- *Tưới nước giảm bụi*:

+ Bố trí hệ thống phun nước tại các hàm nghiền, phun nước làm ẩm đá sản phẩm và khu vực mặt bằng sân công nghiệp.

+ Tưới nước chống bụi tuyến đường vận chuyển sản phẩm ra tỉnh lộ 8: Sử dụng 01 xe bồn dung tích 5m³ tưới đường với tần suất 4 đến 6 lượt/ngày (tùy theo tình hình thời tiết mưa nắng).

- *Trồng cây xanh*: trồng các hàng cây keo lá tràm tại phía Đông mở giáp ranh đường vận chuyển và giáp ranh Kho vật liệu nổ Nam Trung Bộ.

- *Các biện pháp khác*: Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến tại Dự án; Xe vận chuyển đất đá phải chở đúng trọng tải, đi đúng tốc độ cho phép và che bạt kín các thùng xe vận chuyển sản phẩm; thực hiện dọn dẹp tuyến đường vận chuyển nếu có đất, đá rơi vãi.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu chứa vào 02 thùng chứa rác dung tích 120L và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: thực bì phát sinh được tận dụng cho người dân làm thức ăn chăn nuôi hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn nguy hại: Được thu gom, phân loại, lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 6 m² và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (đối với dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải được tái sử dụng trực tiếp để bôi trơn máy móc, thiết bị).

Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Tuân thủ các quy định, thực hiện giảm thiểu bụi trong quá trình thực hiện nổ mìn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc để giảm thiểu tiếng ồn của hệ thống nghiền sàng.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

(Kể từ ngày 01/01/2027, Dự án phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.)

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

- Khu vực khai trường: Cải tạo, củng cố bờ moong đảm bảo an toàn kỹ thuật; san gạt và trồng cỏ Vetiver trên mặt tầng kết thúc khai thác; San gạt moong khai thác và trồng cây; Lắp đặt biển báo quanh moong khai thác; lắp đặt hàng rào thép gai; tạo hệ thống lưu thông nước với khu vực bên ngoài.

- Khu vực sân công nghiệp: tháo dỡ các công trình dân dụng và phá bỏ khu

cấp liệu; Trám lấp giếng không sử dụng; lắp đặt biển báo khu vực hồ lắng; san gạt và trồng cây mặt bằng sân công nghiệp.

- Khu vực ngoài biên giới mở: Cải tạo tuyến đường từ khu mở ra đường tỉnh lộ 8.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Khu vực khai trường		
1	Củng cố bờ moong	m ³	25.374,3
2	Phủ đất và san gạt đáy moong	m ³	31.410
3	Trồng cây keo lá tràm	cây	11.471
4	San gạt mặt tầng kết thúc khai thác	m ³	5.141
5	Trồng cỏ vetiver	Bầu	77.115
6	Lắp đặt biển báo	cái	14
7	Làm hàng rào thép gai	m	800
II	Khu vực sân công nghiệp		
1	Tháo dỡ các công trình dân dụng và phá bỏ khu cấp liệu		
1.1	Phá dỡ tường gạch, nền bê tông (Văn phòng + nhà vệ sinh, nhà tắm, kho CTNH)	m ³	59,2
1.2	Tháo dỡ cửa	m ²	45
1.3	Tháo dỡ vách tôn, mái tôn (Gara + kho vật tư + kho CTNH)	m ²	406
1.4	Tháo dỡ nhà bảo vệ bằng container	Tấn	0,5
1.5	Tháo dỡ bệ xí	cái	01
1.6	Tháo dỡ trạm biến áp	tấn	01
1.7	Tháo dỡ 02 hệ thống nghiền sàng	tấn	40
1.8	Vận chuyển xà bần, thiết bị ra khỏi khu vực dự án	Ca	15
2	Trám lấp giếng không sử dụng	m ³	1,458
3	Lắp đặt biển báo khu vực hồ lắng.	cái	04
4	Cày xới mặt bằng sân công nghiệp	m ²	31.000
5	Trồng cây khu vực sân công nghiệp	cây	5.661
III	Khu vực ngoài biên giới mở		
1	Cải tạo đường vận chuyển	m ²	342,5
IV	Đo vẽ địa hình hiện trạng		
1	Đo vẽ địa hình hiện trạng sau khi kết thúc khai thác	ha	14,752

c) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 2.227.573.349 đồng (Hai tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó, số tiền đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo xác nhận của

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa tại văn bản số 34/QBVMT ngày 30/12/2025 là 1.444.106.963 đồng (*Một tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm lẻ sáu nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng*). Số tiền còn lại phải ký quỹ là: 783.466.386 đồng (*Bảy trăm tám mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng*).

- Số lần ký quỹ: 15 lần.

- Số tiền ký quỹ hằng năm: 52.231.092 đồng, làm tròn là 52.231.000 đồng (*năm mươi hai triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng*).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố, đặc biệt các sự cố liên quan đến sạt lở, cháy nổ, tai nạn lao động, an toàn giao thông.

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động và thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục. Báo cáo kịp thời sự cố cho UBND cấp xã để có phương án hỗ trợ giải quyết.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác:

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ:

- Đảm bảo trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị chữa cháy theo đúng quy định.

- Ban hành nội quy yêu cầu công nhân viên làm việc tuân thủ quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; nghiêm cấm hút thuốc hay thực hiện các hoạt động có khả năng gây ra tia lửa tại khu vực có chứa nhiên liệu, khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

b) Biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở bờ moong khai thác:

- Khai thác theo đúng thiết kế, thực hiện đảm bảo góc dốc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, các thông số của hệ thống khai thác đã được phê duyệt.
- Thường xuyên quan sát vách moong, bờ tầng để phát hiện các vết nứt, khe nứt lớn, đá treo, nếu có phải xử lý an toàn tránh nguy cơ sạt lở bờ moong.
- Tập huấn cho lao động về các công tác ứng cứu khi có sự cố xảy ra.
- Định kỳ tiến hành quan trắc địa bờ mỏ, quan trắc bề mặt để xác định các thông số dịch chuyển đất đá và dự báo các nguy cơ sạt lở trên bờ mỏ để nhanh chóng có biện pháp ứng phó.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn khai thác:

a) Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát:
- + 01 mẫu tại khu vực khai thác.
- + 01 mẫu khu vực nghiền sàng.
- + 01 mẫu không khí tại khu vực đường vận chuyển của mỏ.
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

(Kể từ ngày 01/01/2027, Dự án phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

b) Quản lý, giám sát chất thải rắn:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

c) Giám sát bờ moong:

Thường xuyên theo dõi nguy cơ xảy ra các sự cố trượt, sụt, lở đất đá. Quá trình này được ghi trong sổ nhật ký theo dõi của bộ phận quản lý mỏ để theo dõi

sự biến động theo không gian và thời gian để Chủ dự án có biện pháp khắc phục các tác động do sự cố gây ra.

5.2. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ranh giới khu vực khai thác cuối hướng gió.
- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn.
- Tần suất giám sát: 01 lần trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Tổ chức khai thác đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất và các thông số hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả tính toán nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện nghiêm túc các nội dung, yêu cầu và các trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được phê duyệt.
- Thực hiện nghiêm túc quy định về ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường và các nghĩa vụ về tài chính trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương về phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, đảm bảo an toàn giao thông, an ninh, trật tự trong quá trình thực hiện dự án;
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, địa chất và khoáng sản, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.